

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671006 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Minh	Quý	3671031086	23/12/1993	4,00	2,50	3,00	
2	Bùi Văn	Định	3671031088	05/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Lê Đình	Đăng	3671031089	20/10/1994	3,80	2,00	2,50	Nợ HP
4	Võ Đình Công Tuấn	Anh	3671031091	23/12/1994	4,50	5,50	5,20	
5	Trần Doãn Út	Quyền	3671031096	20/05/1991	4,00	4,00	4,00	
6	Nguyễn Hoàng	Phú	3671031099	24/12/1994	5,00	4,00	4,30	
7	Nguyễn Văn	Cường	3671031117	20/09/1994	5,00	1,50	2,60	
8	Nguyễn Thanh	Hải	3671031121	24/01/1994	3,00	5,50	4,80	
9	Ngô Bình	Tâm	3671031122	28/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
10	Huỳnh Văn	Huy	3671031125	16/10/1994	2,00	1,80	1,90	
11	Đào Tấn	Quân	3671031126	12/06/1994	3,30	1,00	1,70	
12	Nguyễn Văn	Ninh	3671031129	05/06/1994	4,00	1,30	2,10	
13	Lê Hoàng	Phúc	3671031130	04/09/1994	3,00	1,50	2,00	
14	Đặng Hữu	Lộc	3671031142	11/09/1994	,00	2,00	1,40	
15	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang	3671031154	14/03/1993	3,00	3,30	3,20	
16	Lê Đình	Tĩnh	3671031160	05/03/1994	7,30	1,30	3,10	
17	Bùi Minh	Tiến	3671031164	04/02/1994	7,30	4,00	5,00	
18	Vy Lê Thế	Thức	3671031166	26/10/1993	4,80	3,50	3,90	
19	Nguyễn Văn	Pha	3671031174	20/06/1993	3,80	4,50	4,30	
20	Đỗ Tấn	Ý	3671031175	19/01/1993	4,00	3,30	3,50	
21	Võ Quang Minh	Nhật	3671031177	23/03/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
22	Trần Quang	Huy	3671031179	20/10/1994	1,00	2,00	1,70	
23	Nguyễn Văn	Quyền	3671031181	12/08/1994	4,00	,00	1,20	
24	Huỳnh Nhựt	Khuê	3671031185	10/11/1994	7,50	5,00	5,80	
25	Nguyễn Thế	Hùng	3671031186	15/05/1994	4,80	3,50	3,90	
26	Hà Quang	Duy	3671031187	27/07/1994	3,80	2,00	2,50	
27	Lê Quang	Cầu	3671031212	18/10/1994	6,50	2,00	3,40	
28	Nguyễn Đức	Tài	3671031214	28/08/1994	3,50	1,80	2,30	
29	Bùi Xuân	Hội	3671031227	16/02/1994	,00	,00	,00	
30	Lê Đỗ Hoàng	Việt	3671031228	19/06/1993	5,30	2,00	3,00	
31	Nguyễn Hoàng	Lâm	3671031230	23/11/1994	5,00	8,00	7,10	
32	Nguyễn Thế	Hải	3671031231	20/10/1994	6,80	6,50	6,60	
33	Phạm Tấn	Tài	3671031232	20/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
34	Thái Văn	Lâm	3671031236	15/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
35	Hồ Trí	Nghĩa	3671031241	18/04/1994	7,00	9,00	8,40	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Minh	Trí	3671031248	06/11/1994	2,00	3,30	2,90	
37	Lê Văn	Trung	3671031252	09/03/1993	6,00	6,00	6,00	
38	Trần Xuân	Minh	3671031253	02/04/1994	5,00	7,00	6,40	
39	Trần Trung	Cang	3671031254	26/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
40	Võ Ngọc	Sáng	3671031257	04/10/1994	5,30	4,50	4,70	
41	Võ Hồng	Tuất	3671031260	20/02/1994	4,30	1,80	2,60	
42	Nguyễn Sĩ	Tuấn	3671031261	10/11/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
43	Đỗ Việt	Thống	3671031264	30/05/1993	6,80	5,80	6,10	
44	Trần Hoài	Nam	3671031268	23/03/1994	5,00	8,50	7,50	
45	Trần Minh	Cường	3671031576	26/11/1994	4,00	3,30	3,50	
46	Nguyễn Thành	Long	3671031577	11/08/1992	4,50	4,50	4,50	Nợ HP
47	Nguyễn Ngọc	Quyền	3671031595	30/08/1993	4,50	3,00	3,50	
48	Phan	Huy	3671031873	13/09/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
49	Hoàng Nhật	Phương	3671031958	20/04/1993	6,00	9,30	8,30	
50	Hồ Trần	Lâm	3671032022	21/09/1994	6,00	7,00	6,70	Nợ HP
51	Nguyễn Hữu	Nghĩa	3671032047	28/03/1994	5,30	4,00	4,40	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)